TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Bùi Đình Phùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 03/5/2019 và bản tự khai ngày 13/5/2019 chị H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn D, thời gian năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do phong cách sống không còn phù hợp, anh D chơi bời cờ bạc, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần

khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 3 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; Chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Có 03 con là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 02/9/2005; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Văn Đức A1, sinh ngày 20/9/2014. Hiện cháu Khánh L và Đức A1 đang do anh D nuôi dưỡng, cháu Kim A đang do chị nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim A, nhất trí để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh L và cháu Đức A1 đến khi cả 03 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu Khánh L, cháu Kim A. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa chị H và anh D thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/5/2019: Thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 3/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nhưng anh xin đoàn tụ với chị H để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 03 con là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 02/9/2005; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Văn Đức A1, sinh ngày 20/9/2014. Hiện cháu Khánh L và Đức A1 đang do anh nuôi dưỡng, cháu Kim A đang do chị H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh L và cháu Đức A, nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim A đến khi cả 03 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu Khánh L, cháu Kim A. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa anh và chị H thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 3/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Anh D cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị H xin ly hôn, anh D xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đồng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

3. Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 02/9/2005; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Văn Đức A1, sinh ngày 20/9/2014. Chị H và anh D đều thống nhất giao cháu Khánh L và cháu Đức A cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu Kim A cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh L và cháu Kim A, cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 02/9/2005 và Nguyễn Văn Đức A1, sinh ngày 20/9/2014 cho anh D nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/8/2008 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H tự nguyện kết hôn với anh D năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 13 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 3/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, anh D xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại UBND xã T cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2018 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Hương là có cơ sở chấp nhận; Nên xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 02/9/2005; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Văn Đức A1, sinh ngày 20/9/2014. Nay anh chị đều thống nhất giao cháu Khánh L và cháu Đức A1 cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu Kim A cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh L và cháu Kim A, cần chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 02/9/2005 và Nguyễn Văn Đức A1, sinh ngày 20/9/2014 cho anh D nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/8/2008 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0012240 ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền